

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	483	154	110	117	101
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	449 92.96%	136 88.3%	103 93.6%	113 96.58%	97 96.03%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	32 6.62%	18 11.68%	5 4.54%	4.27 5.41%	4 3.97%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.41%	0	2 1.81%	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	483	154	110	117	101
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	68 14.07%	23 14.93%	14 12.72	18 15.38%	13 12.87%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	221 45.75%	62 32.46	55 47.27%	54 47.86%	50 49.51%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	193 39.95%	69 44.80%	40 36.36%	46 39.31%	38 37.62%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	01 0.21%	0	01 0.91%	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	482 99.79%	154 100%	109 99.09%	117 100%	101 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	68 14.08%	23 14.94%	14 12.73%	18 15.25%	13 12.87%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	50 49.50%	0	0	0	50 49.50%
2	Thí lại (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.21%	0	01 0.91%	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	5/4 (1,86%)	1/2 (1,9%)	1/1 (1,8%)	0/1 (0,84%)	3/0 (2,97%)
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0

	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	0	0
1	Cấp tỉnh	0	0	0	0	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	101	0	0	0	101
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	101	0	0	0	101
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	13 12.87%	0	0	0	13 12.87%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	50 49.50%	0	0	0	50 49.50%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	38 37.62%	0	0	0	38 37.62%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	483	83/71	55/55	57/61	50/51
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	14	05	03	02	04

An Sinh, ngày 29 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Kim Mai